1 Mathematical formulas and explanations in ViệtNam

\quad là khoảng cách trắng

LATEX

\ qquad là double khoảng cách trắng,chấm phẩy và phẩy cũng là khoảng cách trắng

\allowdisplaybreaks là cho phép ngắt công thức toán nếu đã dài quá trang sang trang mới

\geqslant là lớn hơn bằng, \leqslant là nhỏ hơn bằng.

\geq là lớn hơn, \leq là nhỏ hơn

\colorbox{màu}{văn bản} là tô màu nền bạn thích cho phần {văn bản}.

ctrl double click trên dòng nào từ file pdf sẽ nhảy tới dòng code chỗ dòng văn bản pdf đó.

- $1 x^2 = 0 m\tilde{u} binh thường$
- 2 x^{100} ,mũ lớn bỏ trong ngoặc nhọn
- x_{11} chỉ số dưới bỏ ngoặc nhọn
- 4 $x-2=0 \Rightarrow x=2$ \Rightarrow viết hoa là mũi tên to
- $x-2=0 \rightarrow x=2$ ko viết hoa là mũi tên nhỏ
- 6 $x-2=0 \Leftrightarrow x=2$ mũi tên hai chiều
- $\frac{2x^2-5}{x^5-3}$ frac là chia,dfrac là phóng to phân số
- $\int\limits_a^{\circ} f(x) \ (\text{v\'eni limits là k\'eo cận lên trên và dưới của dấu tích phân,display là phóng to,int là tích phân)}$
 - 10 \sum_{a}^{b} sum là tổng, limits là chỉ số trên dưới như tích phân
- $\frac{1}{2}$ lệnh left(...right) là giúp cho dấu ngoặc (tròn) bao hết phân số, tương tự với ngoặc vuông, ngoặc nhọn.
 - $\cos x$ hàm lượng giác phải thêm dấu khai báo vào trước tên của hàm đó

array là tạo bảng nhưng ko có viền, c
 là căn giữa,
r là căn phải, cr theo thứ tự là cột 1 cột 2, dấu 'và' ngăn cách 2 cột c
 và r



$$x - 2 = 0$$
$$x^2 = 4$$

align* căn giữa công thức toán .ko đánh số p
t c
t toán

$$\begin{array}{c}
x - 2 = 0 \\
x^2 = 4
\end{array}$$

aligned là căn trái công thức toán, dấu'và' đứng tr
c vị trí nào thì sẽ căn hàng tiếp theo đúng tại vị trí đó

16 Ta có hệ phương trình:
$$\begin{cases} 2x - 3y = 0 \\ 5x - 8y = 4 \end{cases}$$

cách viết hệ p
t hoặc hệ hoặc,
nếu ngoặc nhọn thì thêm dấu \backslash vào sau chữ left,
còn ngoặc [] thì bỏ dấu \backslash đi.

- 17 Đánh số liệt kê
- 1. Nội dung ý thứ nhất.
 - i. nội dung nhỏ ý 1
 - ii. nội dung nhỏ ý 1
- 2. Nội dung ý thứ hai.
- 18 Dấu [] đánh số [bước 1.] luôn để tạo thành 1 bài toán có loạt câu hỏi

Bước 1. Tìm nguyên hàm sau $\int x dx$

Bước 2. Tìm giá trị tích phân dựa trên k
q Bc1 $\int\limits_{_{1}}^{2}f(x)dx$

Hai bài toán trên được viết lại ngắn gọn dưới dạng ma trận như sau:

$$f(x) = \langle c.x \rangle = c^T x \longrightarrow \text{Max}$$

 $Ax \le b$
 $x \ge 0$

$$g(y) = \langle b, y \rangle = b^T y \longrightarrow \text{Min}$$
$$A^T y \ge c$$
$$y \ge 0$$



1	2	3	4	5
G	F	D	7	8
K	L	U	Ι	О

$$x_1 = \frac{-b + \sqrt{\triangle}}{2a}; \quad x_2 = \frac{-b - \sqrt{\triangle}}{2a}$$

Shift Alt mũi tên xuống là Duplicate dòng đó xuống thêm 1 dòng Ctrl C ko càn bôi đen cae dòng đó, chỉ cần click chuột vào dòng đó là xong

$$\sqrt{2}$$

$$\sqrt[3]{2}$$

$$\frac{1+\sqrt{1+x}}{\sqrt{x+2}}$$

$$\begin{cases} x_j^* > 0 \Longrightarrow \sum_{i=1}^n a_{ij} y_i^* = c_j \lor \sum_{i=1}^n a_{ij} y_i^* < c_j \Longrightarrow x_j^* = 0, j = \overline{1, n} \\ y_j^* > 0 \Longrightarrow \sum_{i=1}^n a_{ij} x_i^* = b_j \lor \sum_{i=1}^n a_{ij} x_i^* < b_j \Longrightarrow y_j^* = 0, j = \overline{1, m} \end{cases}$$

\setcounter{tocdepth}{1} nghĩa là đánh số liệt kê trong mục lục cấp độ 1 VD: Muc Luc

- 1. Mục 1
 - 1. mục nhỏ 1 của mục 1 setcounter tocdepth {1}
 - 2. mục nhỏ 2 của mục 1 setcounter tocdepth {1}
- 2. Mục 2

cứ thể mà từ cấp 1 đến cấp 5

$$\begin{cases} x^2 = 2 \\ x^4 = 2 \\ \dots \\ x - 2 = 0 \end{cases}$$
 (1)
(2)
(3)
(4)

$$x^4 = 2 (2)$$

$$x - 2 = 0 \tag{4}$$

1.Cho bài toán quy hoạch tuyến tính như sau:

(P)
$$f(x) = 2x_1 - 3x_2 + 4x_3 - 6x_4 \longrightarrow Min$$

$$\begin{cases} x_1 + 2x - 2 + 3x_3 - x_4 &= 20 & (1) \\ -3x_1 - x_2 + 7x_3 + 7x_4 &\leq 32 & (2) \\ 2x_1 + 4x_2 + x_3 + x_4 &\geq 18 & (3) \\ x_i \geq 0, \forall i = 1, 2, 3 \end{cases}$$

$$\implies$$
 (D) 28

$$\begin{cases} a_{11}y_1 + a_{21}y_2 & \geq c_1 \\ a_{12}y_1 + a_{22}y_2 & \geq c_2 \\ a_{13}y_1 + a_{23}y_2 & \geq c_3 \\ a_{14}y_1 + a_{24}y_2 & \geq c_4 \\ y_i \geq 0, i = 1, 2, 3, 4 \end{cases}$$